

The impact of parental migration on the education of children left behind: A case study of Vietnam

ABSTRACT

This study investigates the impact of parental migration on the education of children left behind in Vietnam. It uses a logit model to analyze cross-sample data collected from the Vietnam Household Living Standards Survey in 2020 (VHLSS 2020). The research results show that parental migration is a factor that promotes children's education. This is because their decision to migrate gives them opportunities to access higher-paying jobs, leading to increased educational investment for their children. Therefore, children with migrating parents have a 12.77% higher probability of attending school than children without migrating parents. This study also finds evidence that older children are more likely to replace their parents in their absence due to migration. As a result, their probability of attending school is 5.7% lower than that of younger children. Especially for girls, the probability of attending school is 8.49% lower than for boys. Besides, the education level of the household head also significantly affects the child's school attendance. The higher the education level of the household head, the more they understand the role of education. Therefore, the probability of children attending school in these households is also higher than in other households. In addition, this study also shows that some demographic characteristics of the household head, such as gender and age, also affect the child's schooling.

Keywords: *Parental migration, education, children left behind, VHLSS, Vietnam.*

Tác động di cư của bố mẹ đến giáo dục của trẻ em bị bỏ lại: Trường hợp nghiên cứu cho Việt Nam

TÓM TẮT

Nghiên cứu này đánh giá tác động di cư của bố mẹ đến giáo dục của trẻ em bị bỏ lại ở Việt Nam bằng cách sử dụng mô hình hồi quy logit để phân tích mẫu dữ liệu chéo được thu thập từ cuộc Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2020 (VHLSS 2020). Kết quả nghiên cứu cho thấy, di cư của bố mẹ là yếu tố thúc đẩy giáo dục ở trẻ em, vì quyết định di cư của bố mẹ sẽ mang lại cho họ cơ hội để tiếp cận những công việc với mức thu nhập tốt hơn, dẫn đến nhiều khả năng tăng khoản đầu tư giáo dục cho con cái. Cụ thể, những trẻ em có bố mẹ di cư thì xác suất đi học cao hơn 12,77% so với những trẻ em không có bố mẹ di cư. Nghiên cứu cũng tìm thấy bằng chứng cho rằng trẻ em ở độ tuổi lớn có nhiều khả năng thay thế sự vắng mặt của bố mẹ do di cư nên xác suất đi học của chúng thấp hơn 5,7% so với trẻ em ở độ tuổi nhỏ. Đặc biệt là trẻ em gái, xác suất đi học của trẻ em gái thấp hơn 8,49% so với trẻ em nam. Bên cạnh đó, trình độ học vấn của chủ hộ cũng ảnh hưởng đáng kể đến việc đi học của trẻ, những chủ hộ có trình độ học vấn càng cao thì càng ý thức được vai trò của giáo dục, do vậy xác suất trẻ em được đi học trong những hộ này cũng sẽ cao hơn các hộ gia đình khác. Ngoài ra, nghiên cứu cho thấy một số đặc điểm nhân khẩu học của chủ hộ như giới tính và độ tuổi có ảnh hưởng đến việc đi học của trẻ.

Từ khóa: Di cư của bố mẹ, giáo dục, trẻ em bị bỏ lại, VHLSS, Việt Nam.

1. GIỚI THIỆU

Theo Tổng cục thống kê Việt Nam năm 2020¹, di cư được xem là một hoạt động tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Ở Việt Nam trong 20 năm qua, làn sóng di cư đã diễn ra rất mạnh mẽ, dân số di cư tăng mạnh từ 2,4 triệu người năm 1989 lên 6,4 triệu người năm 2019, tương ứng chiếm 4,5% và 7,7% trong tổng dân số từ 5 tuổi trở lên của cả nước². Vai trò của hoạt động di cư đã được phản ánh rõ nét trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Ở cấp độ vĩ mô, di cư là một yếu tố góp phần thúc đẩy quá trình đô thị hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo và phân bổ lại dân cư ở Việt Nam. Ở cấp độ vi mô, di cư được xem là một chiến lược sinh kế quan trọng mà các hộ gia đình nông thôn theo đuổi để giải quyết những hạn chế về phúc lợi xã hội, kinh tế, thể chế và thiên tai tại nơi họ sinh sống³⁻⁴. Trong đó, di cư cho phép các hộ gia đình tìm kiếm các cơ hội việc làm, cơ hội kinh doanh

tốt hơn để nâng cao thu nhập và góp phần cải thiện các khía cạnh phúc lợi của gia đình⁵⁻⁶, trong đó có vấn đề giáo dục của con cái.

Về mặt lý thuyết vẫn chưa thể khẳng định việc di cư của bố mẹ có ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực đến giáo dục của con cái⁷. Bởi vì, một mặt việc di cư của bố mẹ sẽ giúp tìm kiếm cơ hội việc làm tốt với mức lương cao hơn để có thể gửi tiền về cho gia đình nhiều hơn (khoản tiền gửi này còn gọi là kiều hối). Khoản thu nhập này có thể trực tiếp làm tăng vốn đầu tư cho giáo dục của con cái, giúp trẻ dành nhiều thời gian hơn cho việc học ở trường và đạt được trình độ học vấn cao hơn, điều này đã được chứng minh trong một số nghiên cứu⁸⁻¹⁰. Bên cạnh đó, khoản tiền gửi từ di cư cũng sẽ giúp các hộ gia đình tăng tích lũy vốn tài chính để đầu tư tăng vốn sản xuất và do đó cải thiện thu nhập của hộ gia đình. Điều này có thể góp phần tăng chi tiêu cho giáo dục của trẻ em và hạn chế sự tham gia của trẻ em vào lực lượng lao động. Mặt khác, sự vắng mặt của bố mẹ có thể khiến trẻ

em phải dành nhiều thời gian hơn để phụ giúp các công việc trong gia đình, tham gia các hoạt động sản xuất của gia đình hoặc tham gia vào thị trường lao động để thay thế vị trí của bố mẹ. Hơn nữa, sự vắng mặt của bố mẹ dẫn đến thiếu sự chăm sóc, hướng dẫn, quản lý và đôn đốc trẻ trong việc học, những điều này sẽ góp phần làm giảm giáo dục của trẻ em^{7,11}.

Với sự mơ hồ về mặt lý thuyết, cộng với xu hướng di cư ở Việt Nam là di cư trong độ tuổi trẻ, độ tuổi lập gia đình có con cái thì câu hỏi liệu di cư của bố mẹ có ảnh hưởng đến giáo dục của trẻ em bị bỏ lại hay không vẫn là một câu hỏi nghiên cứu thú vị, cần được khám phá. Tuy nhiên, theo tổng quan của tác giả thì phần lớn các nghiên cứu về tác động của di cư đến giáo dục của con cái đều tập trung vào vai trò của kiều hối, các nghiên cứu tập trung vào sự vắng mặt của bố mẹ không nhiều và kết quả không đồng nhất. Đặc biệt trong bối cảnh ở Việt Nam, hiện tại chỉ có ba nghiên cứu thực hiện liên quan đến chủ đề sự vắng mặt của bố mẹ do di cư ảnh hưởng đến giáo dục của trẻ em bị bỏ lại như Cuong và Linh¹⁸, Booth và Tamura²¹, và Morgan và Long²².

2. TỔNG QUAN LÝ THUYẾT

2.1. Khung lý thuyết

Mô hình hộ gia đình nông nghiệp (Agricultural household model)²⁵ được sử dụng để xây dựng khung lý thuyết nền cho tác động của di cư bố mẹ đến giáo dục của trẻ em bị bỏ lại. Mô hình lý thuyết này phân tích hành vi của một hộ gia đình nông thôn với mục đích tối đa hóa hàm hữu dụng của mình thông qua việc tiêu dùng các hàng hóa và giải trí trong điều kiện các nguồn lực về công nghệ, ngân sách và thời gian bị hạn chế. Bên cạnh đó, mô hình này cũng phân tích lợi ích – chi phí của khi hộ gia đình có thêm một thành viên khi tiêu dùng, phân bổ thời gian và quyết định sản xuất bằng cách mô hình hóa đồng thời các vấn đề nói trên.

Giả định một hộ gia đình nông thôn gồm bố mẹ và một đứa con, hàm hữu dụng của bố mẹ được

xác định bởi tiêu dùng hiện tại của bố mẹ (C^p) và tiêu dùng trong tương lai của con cái (C^c):

$$U^p = u^p(C^p) + \alpha^p(C^c) \quad (2.1)$$

Trong đó, p và c đại diện cho bố mẹ và con cái, α là tham số đo mức kỳ vọng của cha mẹ đối với con cái.

Với thu nhập từ công việc của chính mình (E^c) và tiền hỗ trợ của bố mẹ (Z^p), thu nhập trong tương lai của đứa trẻ sẽ là:

$$Y^c = E^c + Z^p \quad (2.2)$$

Tiêu dùng của con cái trong tương lai (C^c) được phản ánh bằng thu nhập trong tương lai của trẻ (Y^c) nên phương trình được viết lại như sau:

$$U^p = u^p(C^p) + \delta^p(E^c + Z^p) \quad (2.3)$$

Thu nhập trong tương lai của trẻ (E^c) là một hàm của vốn con người của trẻ (H^c) và cơ hội nghề nghiệp (O^c) và được viết như sau:

$$E^c = E(H^c, O^c) \quad (2.4)$$

Trong đó, vốn con người của trẻ (H^c) là lại phụ thuộc vào các yếu tố như hiệu quả của sự tham gia của bố mẹ (PI^p), khả năng của bản thân (A^c) và giáo dục (S^c). Hàm này tuân theo quy luật lợi tức giảm dần và được viết như sau:

$$H^c = H(PI^p, A^c, S^c) \quad (2.5)$$

Hiệu quả tham gia của bố mẹ (PI^p) lại là một hàm của vốn con người của bố mẹ (H^p), thu nhập của bố mẹ (E^p) và tình trạng di cư của bố mẹ (M^p):

$$PI^p = PI(H^p, E^p, M^p) \quad (2.6)$$

Hộ gia đình này đối mặt với sự hạn chế ngân sách:

$$C^p + \alpha^p Z^p = Y^p + w \cdot (T^c - S^c) \quad (2.7)$$

Trong đó, Y^p là thu nhập của bố mẹ, w là chi phí cơ hội của việc sử dụng thời gian cho việc đi học, $\alpha^p = 1/(1+r)$ là hệ số chiết khấu – phụ thuộc vào lãi suất trên thị trường tài chính. Đối mặt với sự hạn chế về ngân sách, bố mẹ phải đánh đổi giữa việc tiêu dùng của chính mình với tiêu dùng của con cái. Quyết định đầu tư giáo dục của trẻ thường do cha mẹ hoặc những người chăm sóc

khác đưa ra dựa trên việc cân nhắc lợi ích trong tương lai của việc đi học của trẻ với chi phí giáo dục ở hiện tại, hay nói cách khác bố mẹ sẽ tối đa hóa hàm hữu dụng sau:

$$\max_{C^*, S^*, Z^*} U^p = u^p(C^p) + \delta^p(E^c + Z^p) \quad (2.8)$$

Giải bài toán tối ưu (2.8) với ràng buộc (2.7) thì việc đi học của trẻ được mong đợi là:

$$S^{c*} = S(w, PI^p, A^c, \alpha^p, O^c(M^c, C^p, z^p)) \quad (2.9)$$

Giả định mức thu nhập hiện tại của hộ gia đình là cố định: $Y^p = C^p + Z^p$ thì tiêu dung của bố mẹ C^p sẽ ảnh hưởng đến tiết kiệm của bố mẹ Z^p và ngược lại. Do vậy, việc đi học của trẻ (S^{c*}) sẽ bị ảnh hưởng bởi: Vốn con người của bố mẹ (H^c), khả năng của bản thân (A^c), tình trạng di cư của bố mẹ (M^p), tiết kiệm của gia đình (Z^p), hệ số chiết khấu (α^p), chi phí cơ hội (w) và tình trạng di cư của trẻ (M^c). Tuy nhiên trong nghiên cứu này, tác giả chỉ tập trung đến đối tượng là trẻ em bị bỏ lại, do đó, tình trạng di cư của trẻ (M^c) bị loại bỏ ra khỏi mô hình.

2.2. Tổng của các nghiên cứu thực nghiệm

Về mặt lý thuyết, tác động của sự di cư của bố mẹ đến giáo dục của trẻ em bị bỏ lại là chưa rõ ràng:

Một mặt, di cư của bố mẹ có tác động tích cực đến giáo dục của trẻ em bị bỏ lại thường được giải thích thông qua vai trò của kiều hối^{7,15}. Di cư có thể cho phép bố mẹ có cơ hội tìm kiếm được một công việc tốt với mức lương cao hơn so với mức lương kiếm được tại địa phương, lượng tiền gửi về cho gia đình sẽ nhiều hơn. Khoản tiền gửi này giúp giảm bớt sự hạn chế về nguồn lực tài chính của gia đình, từ đó cho phép các hộ gia đình tăng chi tiêu cho giáo dục của con cái. Trẻ em dành nhiều thời gian hơn để tham gia vào việc học ở trường và các dịch vụ giáo dục khác, giảm số giờ lao động và làm việc nhà, nhờ đó trẻ có thể đạt được trình độ học vấn cao hơn. Thực vậy, Antman⁷ tìm thấy tác động tích cực của việc di cư sang Mỹ của người cha lên giáo dục của con gái, cụ thể việc người cha di cư sang Mỹ sớm hơn sẽ

dẫn đến việc tăng trình độ học vấn của con gái lên đến một năm so với việc trì hoãn di cư. Bên cạnh đó, Zhang và cộng sự¹⁶ cho thấy tiền gửi từ bố mẹ di cư giúp đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngắn hạn và đầu tư vốn vật chất và vốn con người trong dài hạn của các hộ gia đình. Hơn nữa, kiều hối cũng góp phần làm tăng vốn sản xuất của các hộ gia đình, cải thiện nguồn thu nhập của hộ gia đình thông qua các hoạt động sản xuất, thông qua đó góp phần cải thiện khoản đầu tư cho giáo dục của trẻ em.

Mặt khác, phần lớn các công trình hiện có nghiên cứu việc di cư của bố mẹ và giáo dục của trẻ đều cho thấy sự vắng mặt của bố mẹ ảnh hưởng tiêu cực đến việc đi học của trẻ¹⁶⁻¹⁹. Waylen và cộng sự²⁰ khẳng định việc nuôi dạy con cái là yếu tố đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của trẻ em ở nhiều khía cạnh của trẻ em như sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần và trình độ học vấn. Vì vậy, sự vắng mặt của bố mẹ do di cư có thể sẽ động đến giáo dục trẻ em bị bỏ lại. Bởi vì, sự di cư của bố mẹ sẽ dẫn đến việc thiếu sự chăm sóc, quản lý và đôn đốc trẻ trong việc học. Thật vậy, kết quả nghiên cứu của Cuong và Linh¹⁸ cho thấy trẻ em có bố mẹ vắng mặt do di cư có xu hướng dành ít thời gian học tại nhà và dành nhiều thời gian cho vui chơi, giải trí hơn. Hơn nữa, theo Booth²¹ sự di cư của bố mẹ làm mất nhân lực trong gia đình dẫn đến sự thay đổi chi phí cơ hội về nguồn lực thời gian của các thành viên còn lại và các hộ gia đình có thể phân bổ lại nguồn lực, trong đó có cả nguồn lực tài chính cho giáo dục của trẻ và nguồn cung lao động của trẻ em. Tương tự Antman¹⁷ tìm thấy bằng chứng cho rằng trẻ em ở Mexico giảm số giờ học và tăng số giờ làm việc để phản ứng lại với sự di cư của bố, tác động này đặc biệt rõ ràng các bé trai có độ tuổi lớn hơn. Fiore²³ cũng đồng ý rằng sự di cư của người mẹ khi con phải bắt đầu cấp học mới không có tác động tiêu cực đáng kể đến việc đi học của trẻ. Ngoài ra, thời gian di cư của người mẹ càng dài, con gái càng ít được giáo dục, điều này có thể giải thích là do con gái sẽ

thay thế công việc của mẹ trong hoặc ngoài gia đình, tùy thuộc vào độ tuổi của chúng.

Một số nghiên cứu khác lại cho thấy việc di cư của bố mẹ không ảnh hưởng đến giáo dục của con cái²²⁻²⁵. Morgan và Long²² cho rằng di cư không ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định đi học của trẻ em, nhưng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến thời gian làm việc của chúng, điều này cuối cùng ảnh hưởng đến quyết định đi học. Tuy nhiên, di cư cũng có thể ảnh hưởng tích cực đến thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình và do đó, có ảnh hưởng đáng kể đến việc học hành của con cái và thời gian làm việc của chúng. Tổng tác động của di cư đến giáo dục trẻ em và lao động trẻ em là không đáng kể. Tương tự Sarma và Parinduri²⁵ cũng tìm thấy bằng chứng cho rằng di cư của bố mẹ không có ảnh hưởng đáng kể về mặt thống kê đối với tỷ lệ nhập học của trẻ em, khoảng cách giữa các lớp học, và chi tiêu cho giáo dục.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Mô hình nghiên cứu

Mô hình nghiên cứu cụ thể được trình bày như sau:

$$G_{iaoduc}_i = \beta_1 + \beta_2 M_i + \beta_3 C_i + \beta_4 H_i + \mu_i \quad (3.1)$$

Trong đó, G_{iaoduc}_i là biến giáo dục của trẻ em thứ i được đo lường bằng một biến nhị phân, nhận giá trị 1 nếu trẻ em đang đi học và giá trị 0 nếu trẻ em đang không đi học; M_i là tình trạng di cư của bố mẹ được đo lường bằng một biến nhị phân, nhận giá trị 1 nếu trẻ em có bố mẹ di cư và giá trị 0 nếu trẻ không có bố mẹ di cư. C_i là các đặc điểm nhân khẩu học của trẻ em như tuổi và giới tính, H_i là đặc điểm của hộ gia đình như tuổi của chủ hộ, giới tính của chủ hộ, giáo dục của chủ hộ, dân tộc, quy mô hộ, số lượng trẻ em, khu vực sinh sống, thu nhập bình quân đầu người của hộ.

Sử dụng mô hình hồi quy logistic để ước lượng phương trình 3.1 thông qua phần mềm Stata 16. Mô hình hồi quy logistic nhị thức (binary logistic) là được dùng để xem xét mối quan hệ giữa biến phụ thuộc là biến nhị phân - biến giáo

dục của trẻ em bị bỏ lại (nhận giá trị 1 nếu trẻ em đang đi học và nhận giá trị 0 nếu trẻ em không đi học) và các biến độc lập là biến liên tục hoặc biến nhị phân liên quan đến tình trạng di cư của bố mẹ, đặc điểm nhân khẩu học của trẻ em, của bố mẹ và hộ gia đình. Phương trình mô hình hồi quy logistic có dạng:

$$\log(\text{odds}) = \frac{p}{1-p} = \beta_2 M_i + \beta_3 C_i + \beta_4 H_i \quad (3.1)$$

Trong đó:

- M_i, C_i, H_i là các biến độc lập.
- $\text{odds} = \frac{p}{1-p}$ là tỷ số chênh giữa hai xác suất, trong đó p và $(1-p)$ lần lượt là xác suất trẻ em đang đi học và xác suất trẻ em không đi học.

Một giá trị của biến giáo dục sẽ được chọn làm tham chiếu, xác suất của nhóm còn lại sẽ được so sánh với xác suất của nhóm tham chiếu. Kết quả từ mô hình logistic cho chúng ta biết xác suất liên quan đến việc đi học của trẻ em thứ i sẽ thay đổi như thế nào khi các đặc điểm nhân khẩu học của trẻ em, bố mẹ, và hộ gia đình thay đổi, và được viết như sau:

$$p = \frac{1}{1+e^{-\beta X}} \quad (3.2)$$

$$\text{Với } \beta X = \beta_2 M_i + \beta_3 C_i + \beta_4 H_i \quad (3.3)$$

Cần lưu ý là hệ số hồi quy của mô hình logistic chỉ cho biết chiều tác động của các biến độc lập X , gồm M_i, C_i, H_i lên biến giáo dục của trẻ em, nếu muốn biết chính xác khi X tăng lên 1 đơn vị thì xác suất đi học của trẻ p_i thay đổi như thế nào thì cần phải tính tác động biên theo công thức sau:

$$\frac{\partial p_i}{\partial X_i} = \frac{\partial}{\partial X_i} \left(\frac{1}{1+e^{-(\beta X_i + \mu_i)}} \right) \quad (3.4)$$

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng mẫu dữ liệu chéo được khai thác từ bộ dữ liệu của cuộc Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2020 (VHLSS 2020). Khảo sát này bắt đầu thực hiện vào năm 2002 và được thực hiện hai năm một lần

tại tất cả các tỉnh thành trong cả nước bởi Tổng cục thống kê Việt Nam. Với mục tiêu chính là thu thập dữ liệu liên quan đến hộ gia đình và xã/phường trên phạm vi cả nước để theo dõi và giám sát một cách có hệ thống mức sống của các tầng lớp dân cư Việt Nam; giám sát và đánh giá việc thực hiện Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói, giảm nghèo; góp phần đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ và các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Từ cơ sở dữ liệu của VHLSS 2020, tác giả khai thác các thông tin liên quan đến chủ đề nghiên cứu với mẫu dữ liệu cuối cùng gồm 399 trẻ em trong độ tuổi từ 6-17 tuổi. Mẫu dữ liệu chứa các thông tin cụ thể về việc di cư của bố mẹ, giáo dục của trẻ em, các đặc điểm nhân khẩu học của trẻ em như tuổi và giới tính, các đặc điểm nhân khẩu học của bố mẹ như tuổi, trình trạng hôn nhân và một số đặc điểm của hộ gia đình như dân tộc, khu vực sinh sống, thu nhập, quy mô hộ, số lượng trẻ em trong hộ

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Kết quả thống kê mô tả

Bảng 1 trình bày một số đặc điểm nhân khẩu học của trẻ em và hộ gia đình. Mẫu dữ liệu nghiên cứu gồm có 399 trẻ em với độ tuổi trung bình là 12 tuổi, trẻ nhỏ tuổi nhất là 6 tuổi và lớn nhất là 17 tuổi. Hơn một nửa trẻ em trong mẫu là nữ (chiếm 53,88%) và phần lớn là sống ở khu vực nông thôn (chiếm 85,46%), khu vực thành thị chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ, khoảng 14,54%. Những trẻ em này sống trong các hộ gia đình có quy mô hộ trung bình là 4 người, hộ có số lượng người ít nhất là 2 và hộ đông thành viên nhất là 9. Trung bình mỗi hộ có 2 trẻ em trong độ tuổi từ 6-17 tuổi, hộ có số lượng trẻ em ít nhất là 1 và hộ có số lượng trẻ em nhiều nhất là 3. Độ tuổi trung bình của các chủ hộ là 42 tuổi, hộ gia đình có chủ hộ trẻ nhất là 24 tuổi và hộ có chủ hộ lớn tuổi nhất là 51 tuổi, đa phần các chủ hộ đang sống cùng vợ/chồng (chiếm 87,46%) và chỉ có 12,54% chủ hộ đã ly hôn hoặc góa chồng/vợ. Trong số các chủ hộ được khảo sát thì có đến 79,19% là nam giới và 89,47% là dân tộc Kinh. Mức thu nhập bình quân đầu người là 3,3 triệu đồng/người/tháng, hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng cao nhất là 18,88 triệu đồng và hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng thấp nhất là 1,21 triệu đồng.

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của trẻ em và hộ gia đình trong mẫu nghiên cứu

	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Tuổi của trẻ em	399	11,91	3,52	6	17
Tuổi của chủ hộ	399	42,35	8,05	24	51
Quy mô hộ	399	4,36	0,97	2	9
Số lượng trẻ em trong hộ	399	1,76	0,65	1	3
Thu nhập bình quân đầu người/tháng	399	3299,77	2210,32	1214	18876
	Số quan sát	Tần suất		Tỷ lệ (%)	
Giới của trẻ em	399				
Nam		184		46,12	
Nữ		215		53,88	
Tình trạng đi học của trẻ em	399				
Đang đi học		258		64,66	
Nghỉ học		149		35,34	

Tình trạng di cư của bố mẹ			
<i>Có di cư</i>	399	219	54,89
<i>Không di cư</i>		180	45,11
Giới của chủ hộ			
<i>Nam</i>	399	316	79,19
<i>Nữ</i>		84	20,81
Tình trạng hôn nhân của chủ hộ			
<i>Đang có vợ/chồng</i>	399	349	87,46
<i>Khác (ly hôn, góa vợ/chồng)</i>		50	13,54
Dân tộc của chủ hộ			
<i>Kinh</i>	399	357	89,47
<i>Khác</i>		42	10,53
Khu vực sinh sống của hộ			
<i>Nông thôn</i>	399	341	85,46
<i>Thành thị</i>		58	14,54

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu từ phần mềm Stata)

4.2. Kiểm tra sự phù hợp của mô hình hồi quy

Tác giả tiến hành kiểm tra sự phù hợp của mô hình nghiên cứu và kết quả được trình bày trong bảng 2. Kết quả cho thấy cả McFadden's R^2 là

0,651 và McKelvey and Zavoina's R^2 là 0,659, điều này có nghĩa là sự thay đổi của các biến độc lập trong mô hình có thể giải thích được trên 65% cho sự thay đổi của biến phụ thuộc.

Bảng 2. Kiểm định sự phù hợp của mô hình hồi quy Logit

Log-Lik Intercept Only:	-120.731	Log-Lik Full Model:	-66.261
D(382):	132.523	LR(13):	108.939
		Prob > LR:	0.000
McFadden's R2:	0.651	McFadden's Adj R2:	0.327
Maximum Likelihood R2:	0.340	Cragg & Uhler's R2:	0.527
McKelvey and Zavoina's R2:	0.659	Efron's R2:	0.500
Variance of y*:	9.649	Variance of error:	3.290
Count R2:	0.955	Adj Count R2:	0.500
AIC:	0.409	AIC*n:	162.523
BIC:	-2153.341	BIC':	-31.148

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu từ phần mềm Stata)

4.3. Kết quả hồi quy

Bảng 3. Kết quả hồi quy mô hình logistic

Biến	Giaoduc (1)	P- value (2)	Tác động biên (3)	P-value (4)
Di cư của bố mẹ	2,6561***	0,026	0,1277***	0.014
Tuổi của trẻ	-1,1993***	0,000	-0,0577 ***	0,000

Giới tính của trẻ	1,7663***	0,002	0,0849 ***	0,000
Tuổi của chủ hộ	0,0563**	0,068	0,0027*	0,079
Giới tính của chủ hộ	0,9751	0,218	0,0263	0,214
Tình trạng hôn nhân của chủ hộ	0,7197	0,337	0,0346	0,341
Giáo dục của chủ hộ				
Tiểu học	3,4137***	0,000	0,2178	0,000
Trung học cơ sở	6,3361***	0,000	0,3497	0,000
Trung học phổ thông	5.6945***	0,001	0,3288	0,000
Ln(thu nhập bình quân)	0,2099	0,787	0,0101	0,972
Ln(Quy mô hộ)	0,6303	0,544	0,0303	0,559
Ln(Số lượng trẻ em)	-0,0816	0,914	-0,0039	0,914
Dân tộc	0,1247	0,878	0,0059	0,878
Khu vực sinh sống	0,0592	0,917	0,0028	0,917
Observations	399		399	

*Significant at 10%; **Significant at 5%; ***Significant at 1%.

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu từ phần mềm Stata)

Kết quả ước lượng mô hình hồi quy logistic được trình bày trong bảng 3, trong đó cột (1) trình bày hệ số hồi quy và cột (3) trình bày kết quả tác động biên của các biến trong mô hình logistic. Kết quả hồi quy cho thấy biến di cư của bố mẹ, các biến liên quan đến đặc điểm nhân khẩu học của trẻ em và một vài đặc điểm nhân khẩu học của chủ hộ có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, 5% và 10%. Cụ thể, di cư của bố mẹ có tác động tích cực đến việc đi học của trẻ em, những trẻ em có bố mẹ di cư thì xác suất đi học cao hơn 12,77% so với những trẻ em không có bố mẹ di cư. Phát hiện này tương đồng với một số nghiên cứu như Antman, Nguyen và Nguyen, và Le Thi Thanh Binh^{7,13,26}. Di cư được xem là chiến lược sinh kế mà các hộ gia đình sử dụng để cải thiện thu nhập, giải quyết những hạn chế về thể chế, phúc lợi, thiên tai tại nơi họ sinh sống. Theo Edwards và Ureta⁹, Masuri¹⁰ cho rằng quyết định di cư của bố mẹ sẽ mang lại cho họ các cơ hội để tiếp cận những công việc với mức thu nhập tốt hơn so với mức thu nhập họ kiếm được ở nơi họ sinh sống. Sự gia tăng trong thu nhập của bố mẹ nhiều khả năng dẫn đến việc tăng khoản tiền gửi (kiều hối) về cho gia đình, các khoản tiền này thường ưu tiên sử dụng cho trẻ em như chi tiêu ăn uống, chăm sóc sức khỏe, giáo dục. Do vậy, khoản thu nhập này nhiều khả năng làm tăng vốn đầu tư cho giáo

dục của con cái, giúp trẻ dành nhiều thời gian hơn cho việc học ở trường dẫn đến trẻ có thể đạt được trình độ học vấn cao hơn và hạn chế khả năng bỏ học.

Ngoài ra, các đặc điểm nhân khẩu học của trẻ em như giới tính và độ tuổi cũng ảnh hưởng đến việc đi học của trẻ. Kết quả hồi quy cho thấy, khi tuổi của trẻ em tăng thêm 1 thì xác suất đi học của trẻ em giảm 5,7%, và trẻ em nam thì có xác suất đi học cao hơn trẻ em nữ là 8,49% tại mức ý nghĩa 1%. Điều này có thể là do những đứa trẻ lớn hơn có nhiều khả năng thay thế sự vắng mặt của bố mẹ trong công việc nhà (đặc biệt là trẻ em nữ) hoặc thay thế bố mẹ trong các hoạt động sản xuất của hộ gia đình hơn những trẻ em nhỏ. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với một số nghiên cứu thực nghiệm trước đây²⁶⁻²⁷. Bên cạnh đó đặc điểm nhân khẩu học của chủ hộ cũng ảnh hưởng đến việc đi học của trẻ em. Hộ gia đình có chủ hộ là nam thì xác suất đi học của trẻ em trong hộ đó cao hơn 2,63% so với trẻ em trong những hộ có chủ hộ là nữ. Chủ hộ có trình độ học vấn càng cao thì xác suất trẻ em trong hộ được đi học càng cao, trẻ em sống trong những hộ gia đình có chủ hộ có trình độ học vấn ở bậc tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông sẽ có xác suất đi học cao hơn những trẻ em sống ở hộ gia đình mà chủ hộ không đi học lần lượt là 21,78%, 34,97% và

32,88%. Chủ hộ có trình độ học vấn càng cao thì càng ý thức được vai trò của giáo dục đối với nghề nghiệp nên họ thường có xu hướng đầu tư cho việc học của con cái hơn những người có trình độ học vấn thấp. Cuối cùng, tuổi của chủ hộ cũng có ảnh hưởng đến xác suất đi học của trẻ em, tuy nhiên mức độ tác động không đáng kể.

5. HÀM Ý CHÍNH SÁCH

5.3. Kết luận

Nghiên cứu sử dụng mô hình Logistic để phân tích mẫu dữ liệu chéo thu thập từ bộ dữ liệu Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2020 (VHLSS) nhằm đánh giá tác động của di cư của bố mẹ đến giáo dục của trẻ em bị bỏ lại ở Việt Nam. Trong đó, giáo dục của trẻ em được đo lường bằng một biến nhị phân cho biết trẻ có đang đi học hay không. Ngoài ra, nhóm tác giả cũng đưa vào mô hình các biến liên quan đến đặc điểm nhân khẩu học của trẻ em, đặc điểm nhân khẩu học của chủ hộ và một số đặc điểm của hộ gia đình để kiểm soát tác động của di cư của bố mẹ đến giáo dục của trẻ em bị bỏ lại. Kết quả hồi quy mô quy Logistic và kết quả tính toán tác động biên cho thấy, di cư của bố mẹ có tác động tích cực đến giáo dục của trẻ em, những trẻ sống trong hộ gia đình có bố mẹ di cư thì xác suất đi học cao hơn những trẻ em sống trong hộ gia đình mà bố mẹ không di cư. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng tìm thấy bằng chứng cho rằng trẻ em ở độ tuổi lớn hơn và trẻ em nữ sẽ có xác suất đi học thấp hơn những trẻ có độ tuổi nhỏ và trẻ em nam. Ngoài ra, các đặc điểm của chủ hộ như tuổi, giới tính và trình độ học vấn cũng có tác động đến việc đi học của trẻ, trong khi các biến liên quan đến hộ gia đình như quy mô hộ, khu vực sinh sống, dân tộc v.v lại không có ý nghĩa thống kê.

5.4. Hàm ý chính sách

Trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm góp phần cải thiện giáo dục của trẻ em bị bỏ lại ở Việt Nam trong các hộ gia đình di cư:

Thứ nhất, hoạt động di cư nên tiếp tục được khuyến khích để cải thiện điều kiện kinh tế của hộ gia đình khi các hộ gia đình gặp khó khăn hoặc không có cơ hội phát triển kinh tế tại địa phương. Từ đó, di cư cho phép bố mẹ có cơ hội tiếp cận với công việc với mức lương tốt hơn để cải thiện phúc lợi của các thành viên trong gia đình như tăng chi tiêu cho lương thực thực phẩm, các dịch vụ vui chơi - giải trí, chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe, và chi tiêu cho giáo dục của con cái. Nhờ đó, tăng cơ hội đến trường cho trẻ em ở những khu vực mà điều kiện kinh tế khó khăn, thường xuyên đối mặt với thiên tai v.v.

Thứ hai, cơ quan chức năng cũng cần thường xuyên tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho người di cư về vai trò của giáo dục thông qua nhiều hình thức khác nhau như báo, đài và các trang mạng xã hội. Đặc biệt, cần có những nội dung tuyên truyền về những tác động tiêu cực của sự vắng mặt của bố mẹ do di cư có thể ảnh hưởng đến vấn đề giáo dục con cái ở nhà như sự thiếu quản lý, giám sát, đôn đốc trẻ trong quá trình học tập, hướng dẫn trẻ học, trẻ phải thay đổi mẹ làm việc nhà, các công việc sản xuất khác v.v. Đây là cách để giúp bố mẹ nhận thức được những sự hạn chế này và tìm ra giải pháp phù hợp để khắc phục những hạn chế nói trên, nhằm đảm bảo tạo điều kiện tốt nhất cho trẻ hoàn thành các bậc học.

Thứ ba, cơ quan chức năng cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về bình đẳng giới trong giáo dục giữa trẻ em nam và trẻ em gái, đặc biệt là ở khu vực nông thôn nhằm nâng cao nhận thức của các hộ gia đình. Đảm bảo trẻ em gái phải có cơ hội tiếp cận giáo dục và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo như trẻ em nam. Đồng thời, cũng cần phải thực hiện truyền thông, giáo dục, và vận động xã hội để nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong việc phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em của các cấp, các ngành, trường học, các tổ chức xã hội, người sử dụng lao động, đặc biệt là cha mẹ và trẻ em.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GSO 2021. Báo cáo tác động của dịch COVID-19 đến tình hình lao động, việc làm quý III năm 2021. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/10/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iii-va-9-thang-nam-2021/>, truy cập ngày 25/10/2023.
2. CIEM 2021. Nghiên cứu vấn đề về giới trong di cư trong nước và tái cơ cấu kinh tế Việt Nam. Chương trình Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam. <http://ciem.org.vn/>, truy cập ngày 12/20/2023.
3. Ezra, M. Ecological degradation, rural poverty, and migration in Ethiopia: A contextual analysis. *Working Paper. New York: Population Council, Policy Research Division*. **2001**, 149.
4. Sundari, S. Migration as a livelihood strategy: a gender perspective. *Economic and Political Weekly*, **2005**, 2295-2303.
5. Ahmed, F. Does migration matter for household welfare in Bangladesh? *Migration and Development*, **2020**, 1-20.
6. Du, Y., Park, A. and Wang, S. Migration and rural poverty in China. *Journal of comparative economics*, **2005**, 33, 688-709.
7. Antman, F. M. Gender, educational attainment, and the impact of parental migration on children left behind. *Journal of Population Economics*, **2012**, 25, 1187-1214.
8. Amuedo-Dorantes, C., Georges, A. and Pozo, S. Migration, remittances, and children's schooling in Haiti. *The Annals of the American Academy of Political and Social Science*, **2010**, 630, 224-244.
9. Edwards, A. C. & Ureta, M. International migration, remittances, and schooling: evidence from El Salvador. *Journal of development economics*, **2003**, 72, 429-461.
10. Mansuri, G. Migration, school attainment, and child labor: evidence from rural Pakistan. *World Bank Policy Research Working Paper*, **2006**, No. 3945.
11. Cortes, P. The feminization of international migration and its effects on the children left behind: Evidence from the Philippines. *World Development*, **2015**, 65, 62-78.
12. Morgan, P. J. and Long, T. Q. Heterogeneous effects of migration on child welfare: Empirical evidence from Viet Nam. *Child Labor in the Developing World Theory, Practice and Policy*, **2020**, 141-171.
13. Nguyen, C. V. and Nguyen, H. Q. Do internal and international remittances matter to health, education and labor of children and adolescents? The case of Vietnam. *Children and Youth Services Review*, **2015**, 58, 28-34.
14. Cuong, N. V. and Linh, V. H. Should Parents Work Away from or Close to Home? The Effect of Parental Absence on Children's Time Use in Vietnam. *Journal of Human Development and Capabilities*, **2016**, 17, 110-124.
15. Raut, N. K., and Tanaka, R. J. R. o. D. E. . Parental absence, remittances and educational investment in children left behind: Evidence from Nepal. *Review of Development Economics*, **2018**, 22(4), 1642-1666.
16. Zhang, H., Behrman, J. R., Fan, C. S., Wei, X., and Zhang, J. Does parental absence reduce cognitive achievements? Evidence from rural China. *Journal of Development Economics*, **2014**, 111, 181-195.
17. Antman, F. M. The intergenerational effects of paternal migration on schooling and work: What can we learn from children's time allocations? *Journal of Development Economics*, **2011**, 96(2), 200-208.
18. Cuong, N. V., and Linh, V. H. Should Parents Work Away from or Close to Home? The Effect of Parental Absence on Children's Time Use in Vietnam. *Journal of Human Development and Capabilities*, **2016**, 17(1), 110-124.
19. Zhao, Q., Yu, X., Wang, X., and Glauben, T. J. C. E. R. The impact of parental migration on children's school performance in rural China, *China Economic Review*, **2014** 31, 43-54.
20. Waylen, A., Stallard, N., and Stewart-Brown, S. Parenting and health in mid-childhood: a longitudinal study. *European Journal of Public Health*, **2008**, 18(3), 300-305.
21. Booth, A. L., & Tamura, Y. Impact of paternal temporary absence on children left behind. *Journal Subscription Information*, **2009**, DP7440.
22. Morgan, P. J., & Long, T. Q. Heterogeneous effects of migration on child welfare: Empirical evidence

- from Viet Nam. *Child Labor in the Developing World*, **2020**, 141-171.
23. Fiore, S. Schooling choices and parental migration. Evidence from Mexico. *Review of Economics of the Household*, **2020**, 1-23.
24. Sarma, V. J., & Parinduri, R. A. What happens to children's education when their parents emigrate? Evidence from Sri Lanka. *International Journal of Educational Development*, **2016**, 46, 94-102.
25. Barnum, H. N., & Squire, L. A model of an Agricultural Household. Theory and Evidence, 1980
26. Le Thi Thanh Binh. *Impact of internal migration on children's schooling and child labor: The case of Vietnam*. Master thesis, Thammasat University, 2016.
27. Fiore, S. Schooling choices and parental migration. Evidence from Mexico. *Review of Economics of the Household*, **2020**, 1-23.

